

Family and Friends 2
Ôn tập: Unit starter – 1 – 2 – 3

Bài 1. Ghi tên các màu:



orange			
--------	--	--	--

Bài 2: Điền từ còn thiếu



A: How old are you?

B: I'm eight.

A: How old you?

B: I'm five.

A: How old?

B: ten.

Bài 3: Khoanh tròn chữ cái đầu

1. 	2. 
a b c	a b c
3. 	4. 
d e f	d e f
5. 	6. 

g h i	g h i
7. 	8. 
j k l	j k l
9. 	10. 
m n o	m n o
11. 	12. 
p q r	p q r
13. 	14. 
s t u v	s t u v

Bài 4: Đánh dấu (✓) đúng và (X) sai

1

What day is it today?
It's Tuesday.
☐

2

What day is it today?
It's Sunday.
☐

3

What day is it today?
It's Friday.
☐

4

What day is it today?
It's Saturday.
☐

5

What day is it today?
It's Wednesday.
☐

Bài 5: Điền "little" và "big"



1. It's a chair.	2. It's a chair.	3. It's a cookie	4. It's a cookie
------------------------------	------------------------------	------------------------------	------------------------------

Bài 6: Nối

1

2

3

4

sister
dad
grandpa
grandma

Bài 7: Điền từ còn thiếu

Yes dad brother ~~sister~~ No Yes



Is this your sister ?

_____, it is.



Is this your _____ ?

_____, it is.



Is this your _____ ?

_____, it isn't. This is my grandpa.

Bài 8: Nhìn và ghi từ



1. happy	2.	3.	4.	5.	6.
----------	----	----	----	----	----

Bài 9: Điền "He's" or "She's"

He's She's



She's

cold.



He's

hot.



hungry.



thirsty.



sad.



happy.

Bài 10: Nói

1		☐	☐ pants
2		☐	☐ dress
3		☐	☐ socks
4		☐	☒ shirt
5		☐	☐ shorts

Bài 11: Nhìn và điền từ

his her

1



Are these her socks?

2



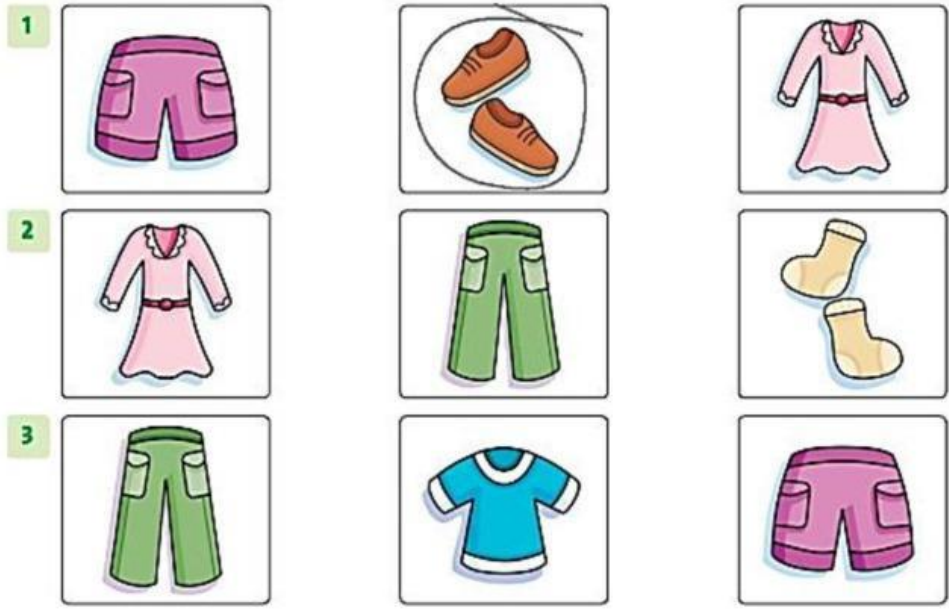
Are these _____ shoes?

3



Are these _____ pants?

Bài 12: Nghe và khoanh hình đúng



Bài 13: Đếm số và ghi

1.


- _6_ six

2.


3.


4.


5.

